

Số: /QĐ-UBND

Hương Trà, ngày tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng
Công trình: BTXM tuyến đường Nguyễn Tấn Thành - Hồ Văn Thái,
tổ 2, Trà Vân (nối tiếp)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG TRÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 63/2025/QH15 ngày 18/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐCP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 07/12/02022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý dự án đối với một số dự án áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 3783/QĐ-UBND ngày 21/08/2024 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các dự án khởi công mới năm 2025;

Căn cứ Công văn số 13/KQTD-KT&HT ngày 05/3/2025 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Trà Bồng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: BTXM tuyến đường Nguyễn Tấn Thành - Hồ Văn Thái, tổ 2, Trà Vân (nối tiếp).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình BTXM tuyến đường Nguyễn Tấn Thành - Hồ Văn Thái, tổ 2, Trà Vân (nối tiếp), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: BTXM tuyến đường Nguyễn Tấn Thành - Hồ Văn Thái, tổ 2, Trà Vân (nối tiếp).

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Hương Trà.

- Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án.

3. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

3.1 Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng công trình: BTXM tuyến đường Nguyễn Tấn Thành - Hồ Văn Thái, tổ 2, Trà Vân (nối tiếp) nhằm khắc phục hư hỏng của tuyến đường, tạo điều kiện thuận lợi về giao thông, đảm bảo an toàn về tính mạng, tài sản của người dân khi tham gia lưu thông. Từng bước hoàn thiện tiêu chí giao thông trong Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

3.2. Quy mô công trình:

Công trình: BTXM tuyến đường Nguyễn Tấn Thành - Hồ Văn Thái, tổ 2, Trà Vân (nối tiếp). Dự án nhóm C; Công trình giao thông nông thôn, cấp C theo Quyết định 932/QĐ-BGTVT ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải, với các tiêu chuẩn kỹ thuật sau:

a. Nền, mặt đường

+ Tổng Chiều dài tuyến thiết kế: 461,91m.

Trong đó: Tuyến chính đoạn từ Km0+00:-Km0+376,34 với chiều dài L=376,34m. Tuyến nhánh từ Km0+19,02:-Km0+104,59 với chiều dài L=85,57m. Kết cấu mặt đường bằng BTXM đá 2x4, mác 250.

+ Bề rộng nền đường: $B_n=4m$

+ Bề rộng mặt đường + lề gia cố: $3,0m+0,5m \times 2=4,0m$

+ Dốc ngang mặt đường: $i = 2\%$.

+ Tốc độ thiết kế: $V = 20km/h$.

+ Bán kính cong đứng tối thiểu (Lồi/Lõm): 250m/250m.

+ Bán kính đường cong nằm tối thiểu: $R_{min} = 15m$.

+ Độ dốc dọc lớn nhất: $i_{max} = 15\%$.

+ Tải trọng trục thiết kế: $P = 25kN$.

- + Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng, như sau:
- Mặt đường Bê tông XM M250 đá 2x4 dày 18cm.
- Lót giấy dầu.
- Móng đường cấp phối đá dăm dày 12cm đầm chặt $K \geq 0,95$.
- Lớp đất đồi đầm chặt đạt độ chặt $K \geq 0,98$ dày 30cm, có mô đun đàn hồi $E_{nc} \geq 40\text{Mpa}$.

- Nền đất đầm chặt đạt độ chặt $K \geq 0,95$.
- Thiết kế khe co 5m/khe.
- Thiết kế khe dãn 40m/khe, chiều rộng khe dãn 2cm.

b. Công trình thoát nước:

- Khở cống bằng khở nền đường.
- * Tiêu chuẩn thiết kế cống: Quy trình 22TCN 18-79.
- Thiết kế cống, tham khảo thiết kế điển hình: Cống tròn BTCT 533-01-01, 533-01-02

- Thiết kế qui mô BTCT vĩnh cửu.
- Tải trọng thiết kế H30 – XB80.
- Khở cống bằng khở nền đường.
- Tần suất thiết kế cống theo thủy văn tuyến đường.

* **Kết cấu cống tròn:**

- + Ống cống tròn lắp ghép bê tông M200 đá 1x2.
- + Tường đầu, tường cánh, sân cống bê tông M150 đá 2x4.
- + Móng tường đầu, móng tường cánh, thân cống bằng bê tông M150 đá 2x4
- + Đệm cát sạn móng tường đầu, tường cánh, sân cống dày 10cm.
- + Gia cố rọ đá lưới thép phía hạ lưu chống xói, KT:(2x1x0.5)m

* **Công trình trên tuyến chính:**

- Thiết kế cống tròn trên tuyến chính cống D100 tại Km0+43,02 và tại Km0+ 371,6; thiết kế cống D75 tại Km0+328,01 và cống D150 tại K0+198,89.

- Gia cố mái taluy phải tuyến đoạn Km0+14,62-:-Km0+52,88 với L= 38,6m. Kết cấu móng chân khay bằng BTXM đá 2x4, M150, kết cấu mái taluy bằng đá 1x2, M150.

- Gia cố mái taluy bên trái tuyến đoạn Km0+14,62-:-Km0+55,86 với L= 41,24m. Kết cấu móng chân khay bằng BTXM đá 2x4, M150. Kết cấu mái taluy bằng đá 1x2, M150.

- Thiết kế cọc tiêu phải tuyến đoạn Km0+20,78-:-Km0+52,88 với L= 32,1m và đoạn Km0+120,33-:-Km0+145,43 với L= 25,1m (Khoảng cách 2,0m/ cọc).

- Thiết kế cọc tiêu trái tuyến đoạn Km0+5,2-:-Km0+65,61 với L= 60,41m (Khoảng cách 2,0m/ cọc).

- Thiết kế tường hộ lan mềm đoạn Km0+145,43-:-Km0+272,29 với L=126,85m và đoạn Km0+322,61-:-Km0+333,41 với L=10,79m.

- Gia cố rãnh thoát nước trái tuyến đoạn Km0+65,61-:-Km0+219,59 với L=153,98m và đoạn Km0+272,229-:-Km0+376,34 với L=104,53m.

- Gia cố rãnh thoát nước phải tuyến đoạn Km0+1,98-:-Km0+14,62 với L=12,63m và đoạn Km0+52,88-:-Km0+120,33 với L=67,5m.

- Thiết kế mương hộp đập đan đoạn Km0+219,59-:-Km0+272,29 với L=52,69m.

- Thiết kế mở rộng kết cấu bằng đá 2x4, M250 dày 18cm.

- Thiết kế tấm đan vào nhà dân.

*** Công trình trên tuyến nhánh:**

- Gia cố mái taluy phải tuyến đoạn Km0+26,76-:-Km0+52,97 với L=26,21m. Kết cấu móng chân khay bằng BTXM đá 2x4, M150; Kết cấu gia cố mái taluy bằng đá 1x2, M150.

- Gia cố mái taluy trái tuyến đoạn Km0+19,02-:-Km0+36,78 với L=17,76m. Kết cấu gia cố mái taluy bằng BTXM đá 1x2, M150.

- Thiết kế cống tròn trên tuyến nhánh cống D100 tại Km0+36,78.

- Gia cố rãnh thoát nước trái tuyến đoạn Km0+19,02-:-Km0+104,59, L=85,57m.

- Thiết kế cọc tiêu phải tuyến đoạn Km0+19,02-:-Km0+52,97 với L=34,12m (Khoảng cách 2,0m/ cọc).

4. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng: Công ty Cổ phần tư vấn Đức Việt.

5. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: xã Hương Trà, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông nông thôn cấp C.

7. Tổng mức đầu tư.

Chi phí xây dựng:	2.128.613.969	đồng
Chi phí quản lý dự án:	53.215.349	đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	232.653.153	đồng
Chi phí khác:	19.136.356	đồng
Chi phí dự phòng:	166.381.173	đồng
Tổng cộng	2.600.000.000	Đồng

(Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm triệu đồng)

8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 2.261.000.000 đồng

- Ngân sách tỉnh: 226.000.000 đồng

- Ngân sách huyện và xã: 113.000.000 đồng

9. Thời gian thực hiện: Năm 2025-2026.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành; giám sát chặt chẽ về chất lượng, khối lượng thi công thực tế, đúng tiến độ đề ra; nghiệm thu và thanh toán khối lượng thi công xây dựng thực tế; quản lý kinh phí thực hiện dự án trong phạm vi tổng dự toán đã được phê duyệt.

Quyết định này là căn cứ để tổ chức thực hiện thi công xây dựng, cấp phát, thanh quyết toán vốn đầu tư cho giá trị hoàn thành của công trình ghi tại Điều 1 quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày lý.

Điều 4. Văn phòng – Thống kê xã; Tài chính – Kế toán xã; Địa chính – Xây dựng-NN&MT xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Phòng KT&HT, TC-KH huyện;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- TT Mặt trận xã;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Minh Hiếu